

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 30 tháng 6 năm 2011**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thanh	Chủ tịch
Ông Võ Thành Trung	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Thắng	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Đối	Ủy viên
Ông Phan Hồng Quân	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Võ Thành Trung	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Tấn Tường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Võ Thành Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011

Số: 156 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 21. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Ngoại trừ vấn đề được đề cập dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam vẫn chưa có thỏa thuận chính thức về mức giá mua bán điện áp dụng cho năm 2010 và 6 tháng đầu năm 2011. Hiện tại Công ty đang ghi nhận khoản mục doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện trên cơ sở đơn giá bằng 90% đơn giá mua bán điện của năm 2009.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 15 tháng 8 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Quang Trung
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0733/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		
			30/6/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.692.332.360.899	1.652.505.725.459
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	668.016.439.627	671.424.614.553
1. Tiền	111		16.016.439.627	18.424.614.553
2. Các khoản tương đương tiền	112		652.000.000.000	653.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	654.396.114.600	550.685.326.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		660.685.326.000	550.685.326.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(6.289.211.400)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		330.740.794.577	388.372.395.788
1. Phải thu khách hàng	131		74.997.343.894	167.736.868.225
2. Trả trước cho người bán	132	7	221.620.041.296	193.374.537.021
3. Các khoản phải thu khác	135		34.123.409.387	27.260.990.542
IV. Hàng tồn kho	140	8	38.963.155.095	41.906.769.027
1. Hàng tồn kho	141		46.928.844.605	49.872.458.537
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.965.689.510)	(7.965.689.510)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		215.857.000	116.620.091
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	36.120.091
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		215.857.000	80.500.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.419.872.620.620	1.374.286.125.743
I. Tài sản cố định	220		1.403.068.241.051	1.357.481.746.174
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.086.923.797.234	1.140.227.583.384
- Nguyên giá	222		2.914.957.401.451	2.909.909.769.935
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.828.033.604.217)	(1.769.682.186.551)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	316.144.443.817	217.254.162.790
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		14.812.957.192	14.812.957.192
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	5.000.000.000	5.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	12	9.812.957.192	9.812.957.192
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.991.422.377	1.991.422.377
1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.991.422.377	1.991.422.377
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.112.204.981.519	3.026.791.851.202

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		483.376.397.486	598.098.379.835
I. Nợ ngắn hạn	310		160.677.788.637	263.087.948.033
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	117.583.834.220	183.722.395.805
2. Phải trả người bán	312		9.044.083.318	16.356.464.847
3. Người mua trả tiền trước	313		-	150.573.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	26.552.869.197	26.869.774.732
5. Phải trả người lao động	315		1.859.893.281	5.010.930.059
6. Chi phí phải trả	316		3.117.897.022	2.742.506.634
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		174.787.602	25.307.454.140
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.344.423.997	2.927.848.816
II. Nợ dài hạn	330		322.698.608.849	335.010.431.802
1. Vay và nợ dài hạn	334	15	322.546.829.045	334.833.684.573
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		151.779.804	176.747.229
B. NGUỒN VỐN	400		2.628.828.584.033	2.428.693.471.367
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.626.923.028.753	2.426.600.443.960
1. Vốn điều lệ	411	16	2.062.412.460.000	2.062.412.460.000
2. Cổ phiếu quỹ	414	16	(47.117.531.962)	(47.117.531.962)
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(3.704.006.653)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		21.500.000.000	21.500.000.000
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		26.880.000.000	26.880.000.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	16	566.952.107.368	362.925.515.922
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.905.555.280	2.093.027.407
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		1.905.555.280	2.093.027.407
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.112.204.981.519	3.026.791.851.202



Võ Thành Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011

Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng

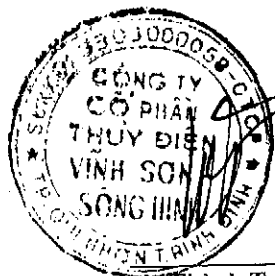
Lê Văn Chương
Người lập

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
			đến 30/6/2011	đến 30/6/2010
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	17	269.806.005.160	231.069.214.260
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	78.657.834.521	91.338.004.704
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		191.148.170.639	139.731.209.556
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	69.349.844.849	44.121.001.455
5. Chi phí tài chính	22	20	28.541.324.517	2.287.414.377
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.882.862.393	1.928.927.126
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.476.974.575	4.799.021.449
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		226.479.716.396	176.765.775.185
8. Thu nhập khác	31		31.818.185	15.254.683
9. Chi phí khác	32		26.360.937	-
10. Lợi nhuận khác	40		5.457.248	15.254.683
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		226.485.173.644	176.781.029.868
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	20.404.017.198	-
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		206.081.156.446	176.781.029.868
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	1.019	857



Võ Thành Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011

Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng

Lê Văn Chương
Người lập

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	226.485.173.644	176.781.029.868
2. Điều chỉnh cho các khoản:		16.250.210.502	33.990.587.070
- Khấu hao tài sản cố định	02	58.108.636.448	76.182.661.399
- Các khoản dự phòng	03	6.289.211.400	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	19.319.345.110	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(69.349.844.849)	(44.121.001.455)
- Chi phí lãi vay	06	1.882.862.393	1.928.927.126
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	242.735.384.146	210.771.616.938
- Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	84.252.091.975	(44.581.439.672)
- Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	2.943.613.932	(1.157.031.599)
- (Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(11.289.845.582)	(11.504.430.527)
- Giảm chi phí trả trước	12	36.120.091	18.550.000
- Tiền lãi vay đã trả	13	(18.095.759.597)	(3.966.897.599)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(22.260.668.235)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	543.678.000	1.103.622.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(679.035.000)	(2.008.742.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	278.185.579.730	148.675.247.541
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(107.241.965.342)	(33.117.300.976)
2. Tiền chi cho vay các đơn vị khác	23	(330.000.000.000)	(460.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay từ đơn vị khác	24	220.000.000.000	430.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	62.303.758.762	41.079.365.159
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(154.938.206.580)	(22.037.935.817)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	52.096.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(101.448.768.876)	(15.459.136.093)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(25.206.779.200)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(126.655.548.076)	36.636.863.907
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(3.408.174.926)	163.274.175.631
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	671.424.614.553	195.063.843.016
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	668.016.439.627	358.338.018.647

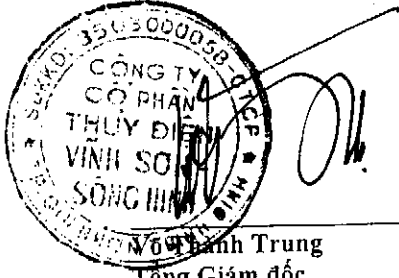
Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền dùng để mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong kỳ bao gồm số tiền 19.574.404.677 VND là số tiền ứng trước trong kỳ cho các nhà thầu nhưng chưa nghiệm thu giá trị công trình. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải thu.

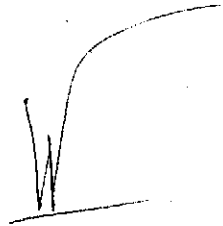


Nguyễn Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011



Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng



Lê Văn Chương
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Nhà máy"). Trước khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Nhà máy là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN").

Theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước thuộc EVN giai đoạn 2003 - 2005 và Quyết định số 2992/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hoá Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh có nhiệm vụ thực hiện cổ phần hoá trong năm 2004. Ngày 2 tháng 12 năm 2004, Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 151/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh thành Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh.

Ngày 4 tháng 5 năm 2005, Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên mới là Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh theo Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 4 tháng 5 năm 2005 và các Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi, bổ sung.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 01/QĐ-TTGDHN. Ngày 28 tháng 6 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 126 người (31/12/2010: 125 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất điện năng (vận hành hai nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và nhà máy thủy điện Sông Hinh). Toàn bộ sản lượng điện của Công ty được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Đây là báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong năm của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là các vật tư, phụ tùng dự phòng để thay thế phục vụ cho các tổ máy phát điện tại hai nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và Sông Hinh. Các vật tư, phụ tùng dự phòng này có tính đặc chủng dùng để thay thế cho các thiết bị mang tính chất đồng bộ của các tổ máy phát điện và đã tồn kho cùng với thời gian lắp đặt các tổ máy (từ năm 1995 với Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn và từ năm 2000 với Nhà máy Thủy điện Sông Hinh). Các vật tư này được lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho từ năm 2007 theo các ước tính kế toán cho giá trị vật tư bị suy giảm về mặt giá trị.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
Tài sản	(Số năm sử dụng)
Nhà cửa và vật kiến trúc	20 - 50
Máy móc và thiết bị	8 - 10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con phản ánh khoản đầu tư vào công ty do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty khác để thu được các lợi ích từ hoạt động này. Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Khoản đầu tư vào Công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Công ty được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận hàng tháng của EVN. Doanh thu bán điện được ghi nhận không phụ thuộc vào việc đã nhận được tiền hay chưa.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện hoạt động xây dựng cơ bản và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản được phản ánh trên bảng cân đối kế toán, thuộc mục Vốn chủ sở hữu. Hoạt động xây dựng cơ bản trong kỳ của Công ty là các hoạt động xây dựng các nhà máy thủy điện mới Thượng Kon Tum và Vĩnh Sơn 3. Công ty có kế hoạch thành lập một công ty con để nhận và kinh doanh các Nhà máy thủy điện mới này khi hoàn thành. Số dư khoản mục chênh lệch tỷ giá trên Bảng cân đối kế toán sẽ được chuyển cho công ty con này khi các Nhà máy thủy điện này hoàn thành và bắt đầu hoạt động. Các chênh lệch tỷ giá khác ngoài chênh lệch tỷ giá liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản đã đề cập ở trên được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc tin rằng việc ghi nhận như trên là phù hợp với bản chất của nghiệp vụ và hoạt động của Công ty và đang trong quá trình xin phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền về việc kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái như đã đề cập.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo quy định tại Nghị định số 164/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 12 năm 2003, Thông tư số 128/2003/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2003; Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 9 năm 2006, Công văn số 5248/TC-CST của Bộ Tài chính ngày 29 tháng 4 năm 2005, Công văn số 11924/TC-CST của Bộ Tài chính ngày 20 tháng 10 năm 2004, và Công văn số 1591/TCT/DNNN của Tổng Cục thuế ngày 4 tháng 5 năm 2006, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ khi thành lập. Công ty được miễn thuế trong 6 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo.

Thu nhập từ các hoạt động khác chịu thuế thu nhập doanh nghiệp 25% theo các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Tiền mặt	145.257.852	294.458.690
Tiền gửi ngân hàng	15.871.181.775	18.130.155.863
Các khoản tương đương tiền (i)	652.000.000.000	653.000.000.000
	<u>668.016.439.627</u>	<u>671.424.614.553</u>

- (i) Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng hoặc dưới 3 tháng và khoản ủy thác trị giá 25 tỷ VND cho Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực quản lý, lãi suất từ 11% đến 14%/năm.

Như trình bày tại Thuyết minh số 13 và Thuyết minh số 15, Công ty đã thế chấp các hợp đồng tiền gửi với tổng số tiền 130 tỷ VND để bảo đảm cho các khoản vay.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (i)	30.685.326.000	30.685.326.000
Đầu tư ngắn hạn khác:	630.000.000.000	520.000.000.000
- Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng	130.000.000.000	20.000.000.000
- Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) vay (ii)	500.000.000.000	500.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(6.289.211.400)	-
	<u>654.396.114.600</u>	<u>550.685.326.000</u>

- (i) Đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phá Lại. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, số lượng cổ phiếu Công ty sở hữu là 3.011.866 cổ phiếu.

- (ii) Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay với kỳ hạn 12 tháng, lãi suất từ 11,2 đến 11,4%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Khoản trả trước cho người bán bao gồm chủ yếu khoản tạm ứng 121.850.083.095 VND cho tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong - CR18G để thực hiện thiết kế và thi công tuyến năng lượng đoạn 2 - Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum và các khoản tạm ứng cho các nhà thầu xây dựng thi công các hạng mục công trình dự án Thủy điện Thượng Kon Tum với tổng số tiền 87.866.882.356 VND.

8. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	46.660.586.880	49.693.450.491
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	268.257.725	179.008.046
	46.928.844.605	49.872.458.537
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.965.689.510)	(7.965.689.510)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	38.963.155.095	41.906.769.027

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tổng
	'000VND	'000VND	'000VND	'000VND	'000VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	2.048.486.052	828.339.277	8.142.056	24.942.384	2.909.909.769
Đầu tư XDCB hoàn thành	4.977.786	-	69.846	-	5.047.632
Tại ngày 30/6/2011	2.053.463.838	828.339.277	8.211.902	24.942.384	2.914.957.401
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	(979.166.542)	(769.842.278)	(1.536.004)	(19.137.362)	(1.769.682.186)
Khấu hao trong kỳ	(34.165.982)	(23.485.818)	(93.348)	(363.488)	(58.108.636)
Khác	-	-	(41.584)	(201.198)	(242.782)
Tại ngày 30/6/2011	(1.013.332.524)	(793.328.096)	(1.670.936)	(19.702.048)	(1.828.033.604)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2011	1.040.131.314	35.011.181	6.540.966	5.240.336	1.086.923.797
Tại ngày 31/12/2010	1.069.319.510	58.496.999	6.606.052	5.805.022	1.140.227.583

Như trình bày tại Thuyết minh số 15, theo Hợp đồng thế chấp số 01/2006/HĐTCTS-TL ngày 12 tháng 4 năm 2006, Công ty đã thế chấp các tài sản tại Nhà máy Thủy điện Sông Hình với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 402.581.565.203 VND (31/12/2010: 425.077.951.337 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay tại Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ Phát triển Phú Yên, nay là Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Phú Yên.

Nguyên giá của nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 401.321.701.792 VND (31/12/2010 là 392.559.815.335 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	217.254.162.790	127.712.344.219
Tăng	103.868.067.052	12.959.970.810
Kết chuyển sang tài sản cố định	(4.977.786.025)	-
Tại ngày 30 tháng 6	316.144.443.817	140.672.315.029

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm giá trị các công trình sau:

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công trình hồ C Thủy điện Vĩnh Sơn	-	5.374.696.606
Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum (i)	255.880.892.165	174.195.631.599
Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2&3 (ii)	55.674.755.022	36.335.273.789
Khác	4.588.796.630	1.348.560.796
	316.144.443.817	217.254.162.790

- (i) Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum là công trình trên cùng hệ thống bậc thang thủy điện sông Sê San. Công trình có hồ chứa, tuyến đầu mối nằm trên sông nhánh Đăk Nghé lưu vực sông Sê San, thuộc 2 xã Đăk Kôi, huyện Kon Rẫy và xã Đăk Tăng, huyện Kông Plông, tỉnh Kon Tum; nhà máy nằm trên sông Đăk Lò tại xã Đăk Tăng và Ngọc Tem, huyện Kông Plông thuộc lưu vực sông Trà Khúc, tỉnh Quảng Ngãi. Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum đã được phê duyệt cho phép đầu tư theo Công văn số 1774/TTg-CN ngày 01 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ, trước đây do EVN làm chủ đầu tư và đã chuyển giao lại cho Công ty theo Văn bản số 32EVN/HĐQT ngày 13 tháng 01 năm 2006 của EVN.
- (ii) Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2&3 được UBND tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đầu tư ngày 7 tháng 11 năm 2007. Công ty đã hoàn thành việc lập dự án đầu tư xây dựng công trình, đã tổ chức thẩm định hồ sơ dự án và đang tiến hành thi công các hạng mục đường vào công trình đầu mối.

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Số dư khoản mục đầu tư vào công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH.

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật VSH	TP. Quy Nhơn Tỉnh Bình Định	100%	100%	Tư vấn và dịch vụ kỹ thuật

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Số dư khoản mục đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định.

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty CP Du lịch Bình Định	TP. Quy Nhơn Tỉnh Bình Định	49,72%	49,72%	Du lịch, khách sạn...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Quân đội	-	63.350.083.095
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	36.958.145.556	36.958.145.556
Vay dài hạn đến hạn trả		
Ngân hàng Phát triển Phú Yên	24.515.058.488	22.510.383.514
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	56.110.630.176	60.903.783.640
	<u>117.583.834.220</u>	<u>183.722.395.805</u>

- (i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 542/2010/0002716 ngày 6/12/2010 ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Phú Tài cho mục đích thanh toán chi phí thi công Dự án thủy điện Thượng Kon Tum. Lãi suất cho vay được xác định trên cơ sở lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau của ngân hàng cho vay cộng (+) lãi suất biên 2,5%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng hợp đồng tiền gửi trị giá 50 tỷ VND.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.804.903.980	1.576.375.113
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.404.017.198	22.260.668.235
Thuế tài nguyên	2.262.576.240	2.071.108.848
Các loại thuế khác	81.371.779	961.622.536
	<u>26.552.869.197</u>	<u>26.869.774.732</u>

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Ngân hàng Phát triển (i)	211.740.229.045	205.680.743.037
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (ii)	91.306.600.000	109.652.941.536
Ngân hàng TMCP Á Châu (iii)	19.500.000.000	19.500.000.000
	<u>322.546.829.045</u>	<u>334.833.684.573</u>

- (i) Khoản vay bằng ngoại tệ (USD) được bán giao từ doanh nghiệp Nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình ("Nhà máy") khi chuyển sang công ty cổ phần.

Ngày 22 tháng 11 năm 2005, Công ty đã ký Hợp đồng tín dụng vốn ODA số 01/TDNN với Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ Phát triển Phú Yên, nay là Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Phú Yên, nhận nợ lại các khoản vay để đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Sông Hình, bao gồm các khoản:

- Vay Quỹ Phát triển Bắc Âu (NDF) số tiền là 8.378.301,48 USD, không tính lãi, chịu phí quản lý vốn vay 0,2%/năm và phí dịch vụ 0,75%/năm tính trên số dư nợ vay. Nợ gốc được trả trong 30 năm (từ năm 2005 đến năm 2035), mỗi năm hai lần vào ngày 31/3 và ngày 30/9. Từ năm 2005 đến năm 2014 mức trả nợ bằng 2% trên tổng số vốn gốc (tức là 83.783,01 USD/kỳ); và bằng 4% trên tổng số vốn gốc (tức là 167.566,02 USD/kỳ) trong những năm còn lại. Thời điểm phải trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 01 tháng 12 năm 2005, kỳ trả cuối cùng vào ngày 31 tháng 3 năm 2035. Lãi suất nợ vay quá hạn tính bằng 3%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

- Vay Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu (NIB) số tiền là 10.725.187,27 USD với lãi suất bằng lãi suất LIBOR cộng mức chênh lệch lãi suất (margin), mức lãi suất cụ thể sẽ do NIB thông báo theo từng thời điểm. Phí quản lý vốn vay là 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay. Nợ gốc được trả đều trong 10 năm (từ 2005 đến 2015), mỗi năm 2 lần vào ngày 31/3 và ngày 30/9. Mức trả nợ gốc mỗi kỳ là 510.723,21 USD. Thời điểm phải trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 1 tháng 6 năm 2005 và kỳ trả nợ cuối cùng vào ngày 31 tháng 3 năm 2015. Lãi suất nợ vay quá hạn tính bằng 9%/năm.

Công ty đã thế chấp các tài sản tại Nhà máy Thủy điện Sông Hinh với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 402.581.565.203 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay nói trên theo Hợp đồng thế chấp số 01/2006/HĐTCTS-TL ngày 12 tháng 4 năm 2006.

(ii) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam ("VIB") - chi nhánh Quy Nhơn bao gồm:

- Hợp đồng tín dụng số 0018/HĐTĐ2-VIB412.10 ngày 8 tháng 6 năm 2010, thời hạn vay 60 tháng, hạn mức tín dụng là 52.096.000.000 VND, lãi suất vay: điều chỉnh 6 tháng/lần, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh kỳ hạn 6 tháng VND của VIB + lãi suất biên tối thiểu là 1,8% năm, chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB theo từng thời kỳ. Khoản vay được tín chấp.
- Hợp đồng tín dụng số 0021/HĐTĐ2-VIB412-09 ngày 30 tháng 6 năm 2009, hạn mức tín dụng là 50 tỷ VND, lãi suất được thay đổi 12 tháng 1 lần và bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh kỳ hạn 6 tháng VND của VIB + biên độ lãi suất tối thiểu là 0,65%/năm, chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB theo từng thời kỳ. Nợ gốc được thanh toán 6 tháng/lần bắt đầu từ tháng thứ 18. Khoản vay được tín chấp.
- Hợp đồng tín dụng số 0025/HĐTĐ2-VIB412-09 ngày 24 tháng 9 năm 2009, hạn mức tín dụng là 20 tỷ VND, lãi suất được thay đổi 12 tháng/lần và bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh kỳ hạn 6 tháng VND của VIB + biên độ lãi suất tối thiểu là 0,65%/năm, chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB theo từng thời kỳ. Nợ gốc được thanh toán 6 tháng/lần kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Khoản vay được tín chấp.
- Hợp đồng tín dụng số HĐ 0022/HĐTĐ2-VIB412.10 ngày 27 tháng 09 năm 2010, hạn mức tín dụng là 40 tỷ VND, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất được xác định trên cơ sở lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh của VIB cộng (+) biên độ tối thiểu 1,8%/năm. Khoản vay được hoàn trả 6 tháng /lần, ngày trả nợ gốc đầu tiên 06 tháng 03 năm 2011. Khoản vay được bảo đảm bằng các tài khoản của Công ty mở tại ngân hàng.
- Hợp đồng tín dụng số 0029/HĐTĐ2-VIB412.10 ngày 27 tháng 12 năm 2010 với tổng số tiền vay 3 triệu USD, thời hạn vay 48 tháng, gốc trả định kỳ 8/lần, lãi trả 6 tháng/lần. Lãi suất xác định trên cơ sở lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh kỳ hạn 3 tháng VND/USD của ngân hàng VIB cộng (+) lãi biên tối thiểu 1,6%. Khoản vay được bảo đảm bằng hợp đồng tiền gửi trị giá 60 tỷ VND.

(iii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số BDL.DN.02231210 ngày 26 tháng 12 năm 2010 ký với Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bình Định, hạn mức tiền vay 262 tỷ đồng cho mục đích đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn 3. Thời hạn cho vay 120 tháng, ân hạn 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ, được cố định cho từng tháng. Lãi suất được xác định trên cơ sở lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau của ngân hàng cho vay cộng phí biên 3,1%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng hợp đồng tiền gửi trị giá 20 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Trong vòng một năm	80.625.688.664	83.414.167.154
Trong năm thứ hai	60.343.258.488	66.083.325.051
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	116.070.704.383	131.014.494.645
Sau năm năm	146.132.866.174	137.735.864.877
	<u>403.172.517.709</u>	<u>418.247.851.727</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	80.625.688.664	83.414.167.154
Số phải trả sau 12 tháng	<u>322.546.829.045</u>	<u>334.833.684.573</u>

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối
	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2010	2.062.412.460.000	-	159.709.332.783
Tăng vốn trong năm	-	(47.117.531.962)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	303.978.595.539
Cổ tức đã chia	-	-	(82.476.498.400)
Trích lập các quỹ	-	-	(16.470.452.000)
Chi khác	-	-	(1.815.462.000)
Số dư tại ngày 01/01/2011	<u>2.062.412.460.000</u>	<u>(47.117.531.962)</u>	<u>362.925.515.922</u>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	206.081.156.446
Trích lập các quỹ (*)	-	-	(2.054.565.000)
Số dư tại ngày 30/06/2011	<u>2.062.412.460.000</u>	<u>(47.117.531.962)</u>	<u>566.952.107.368</u>

(*): Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Quyết định của Hội đồng quản trị. Số tạm trích lập các quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi này sẽ được điều chỉnh sau khi được phê duyệt bởi Đại hội đồng cổ đông.

Cơ cấu vốn góp

	30/6/2011		31/12/2010	
	%	VND	%	VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	30,55	630.169.054.175	30,55	630.169.054.175
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	24,00	494.978.961.600	24,00	494.978.961.600
Cổ đông khác	45,45	937.264.444.225	45,45	937.264.444.225
	<u>100,00</u>	<u>2.062.412.460.000</u>	<u>100,00</u>	<u>2.062.412.460.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
	VND	VND
Doanh thu bán điện (*)	269.532.236.160	231.069.214.260
Doanh thu dịch vụ khác	273.769.000	-
	269.806.005.160	231.069.214.260

(*) Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam vẫn chưa có một thỏa thuận chính thức về mức giá mua bán điện áp dụng cho năm 2010 và 6 tháng đầu năm 2011. Hiện tại, Công ty đang ghi nhận khoản mục doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện trên cơ sở đơn giá bằng 90% đơn giá mua bán điện của năm 2009.

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
	VND	VND
Giá vốn sản xuất điện	78.505.577.198	91.338.004.704
Giá vốn hoạt động khác	152.257.323	-
	78.657.834.521	91.338.004.704

19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.352.490.567	1.076.822.940
Chi phí nhân công	6.651.111.629	6.000.317.585
Chi phí khấu hao tài sản cố định	58.115.990.627	76.182.661.399
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.326.175.588	1.146.167.943
Chi phí khác	16.778.290.364	11.071.567.676
	84.224.058.775	95.477.537.543

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010 VND
Doanh thu tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng và ủy thác	68.865.064.849	40.506.762.255
Cổ tức được chia	484.780.000	3.614.239.200
	<u>69.349.844.849</u>	<u>44.121.001.455</u>
Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	1.882.862.393	1.928.927.126
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.049.897.985	358.487.251
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	19.319.352.739	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	6.289.211.400	-
	<u>28.541.324.517</u>	<u>2.287.414.377</u>
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	<u><u>40.808.520.332</u></u>	<u><u>41.833.587.078</u></u>

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	226.485.173.644
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	484.780.000
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-
Thu nhập chịu thuế	<u>226.000.393.644</u>
Trong đó:	
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	184.662.150.799
Thu nhập khác	41.338.242.845
Thuế thu nhập doanh nghiệp	<u><u>19.567.668.251</u></u>

Công ty đang tạm trích lập nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2011 là 20.404.017.198 VND. Nghĩa vụ thuế này sẽ được điều chỉnh sau khi Công ty thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho cả năm 2011.

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	206.081.156.446	176.781.029.868
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	202.241.246	206.241.246
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u><u>1.019</u></u>	<u><u>857</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Ngày 6 tháng 2 năm 2009, Công ty ký Hợp đồng liên doanh số 89/2009/HĐ-VSHPC-LD với 03 nhà thầu là Công ty Cổ phần Xây dựng và Quản lý công trình giao thông vận tải Kon Tum, Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Tiên Dung và Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam về việc thi công đường vào công trình đầu mối từ Km2 + 500 - Km20 thuộc Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum với tổng giá trị hợp đồng là 44.768.126.000 VND.

Ngày 4 tháng 9 năm 2009, Công ty ký Hợp đồng số 772/2009/HĐ-VSH-Vimeco-Vina CTN với Công ty Cổ phần Vimeco và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công trình ngầm Việt nam về việc thi công cửa nhận nước và đoạn đầu đường hầm dẫn nước thuộc Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum với tổng giá trị hợp đồng là 124.014.274.000 VND.

Ngày 11 tháng 1 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng số 18/HĐ-VSH-CVCCH với Công ty Cổ phần Cavico về việc thi công xây dựng hầm giao thông và đoạn rẽ vào Nhà máy - Dự án thủy điện thượng Kon Tum với tổng giá trị hợp đồng là 111.958.725.000 VND.

Ngày 17 tháng 9 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng số 786/2010/HĐ-VSH-LD với Tổ hợp nhà thầu Công ty Cổ phần Xây dựng 47, Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và thương mại Tiên Dung và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1 về việc thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây lắp tuyến áp lực Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum với giá trị là 505.583.654.488 VND.

Ngày 20 tháng 10 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng số 885/2010/HĐ-VSH-TH với Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong - CR18G về việc thiết kế và thi công tuyến năng lượng đoạn 2 dự án Thủy điện thượng Kon Tum với giá trị là 1.137.167.773.456 VND và 25.000.000 USD. Công ty đã tạm ứng 7,5% giá trị hợp đồng tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Từ 01/01/2011</u> <u>đến 30/6/2011</u>	<u>Từ 01/01/2010</u> <u>đến 30/6/2010</u>
	VND	VND
Doanh thu		
Bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	269.532.236.160	231.069.214.260
Lãi cho vay EVN	27.094.034.549	15.646.750.000
Lãi ủy thác đầu tư tại Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực	1.918.819.444	4.358.087.500
Cổ tức		
Trả cổ tức năm 2009 bằng tiền cho EVN	25.206.779.200	-
Cổ tức nhận từ Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định	484.780.000	-
Đầu tư		
Ủy thác cho Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực quản lý	50.000.000.000	85.000.000.000
Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay	200.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan:

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Phải thu thương mại Tập đoàn Điện lực Việt Nam	74.997.343.894	167.736.868.225
Phải trả cổ tức Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	25.206.779.200
Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay	500.000.000.000	500.000.000.000
Vốn ủy thác cho Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực	25.000.000.000	50.000.000.000

Thu nhập của Ban Giám đốc

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Từ 01/01/2011</u>	<u>Từ 01/01/2010</u>
	<u>đến 30/6/2011</u>	<u>đến 30/6/2010</u>
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản thu nhập khác	846.455.164	1.092.888.367

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu của bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của các báo cáo tương ứng trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 đã được soát xét.



Vũ Thanh Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2011

Huỳnh Công Hà
Kế toán trưởng

Lê Văn Chương
Người lập